

C.TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2014 /KSH
V/v: Giải trình tăng giảm lợi nhuận của
Quý III-2013 với Quý III -2014

Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2014

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển KSH xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Sở giao dịch trong thời gian qua và rất mong nhận được sự giúp đỡ của Sở giao dịch trong thời gian tới.

Qua báo cáo tài chính của Quý III năm 2013 và Quý IV năm 2014, chúng tôi thấy lợi nhuận sau thuế của Quý III năm 2014 tăng so với Quý III năm 2013. Chúng tôi xin giải trình như sau:

STT	Chỉ tiêu	Quý III/2014	Quý III/2013
1	Doanh thu bán hàng	50.593.639.126	16.587.195.895
2	Thu nhập khác	4.866.253.463	1.160.651.749
3	Doanh thu hoạt động tài chính	968.199	929.869
4	Tổng chi phí	46.467.837.547	16.486.841.040
5	Lợi nhuận trước thuế	8.993.023.241	1.261.936.473
6	Lợi nhuận sau thuế	8.254.388.479	1.261.936.473

1- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý III năm 2014 tăng so với Quý III năm 2013 do biến động của doanh thu bán hàng Quý III năm 2014 tăng nhiều so với Quý III năm 2013.

2- Lợi nhuận khác: Thu nhập khác của Quý III năm 2014 tăng so với Quý III năm 2013. Trong khi đó, chi phí khác của Quý III năm 2014 giảm so với Quý III năm 2013. Bởi vậy, lợi nhuận khác của Quý III năm 2014 tăng so với Quý III năm 2013.

Trên đây là những giải trình của chúng tôi nhằm làm rõ sự chênh lệch Lợi nhuận giữa Quý III năm 2014 và Quý III năm 2013.

Công ty chúng tôi xin trân trọng cảm ơn!

*** Nơi nhận :**

- NHƯ TRÊN
- LUU VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HOÀI LINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~94~~/ 2014/ KSH – CBTT
V/v CBTT báo cáo tài chính Quý III/2014

Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2014.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm lưu ký chứng khoán

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH

Địa chỉ: Tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Mã chứng khoán: KSH

Căn cứ quy định tại thông tư 52/2012/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH xin được công bố thông tin báo cáo tài chính Quý III/2014 của Công ty.

Công ty xin gửi kèm bản Báo cáo tài chính Quý III/2014 tới Quý Sở.

Chúng tôi xin cam kết thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật. Rất mong Quý Cơ quan cùng phối hợp công bố thông tin trên thị trường chứng khoán để Nhà đầu tư được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN HOÀI LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Mã số thuế: 0700189368

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III Năm 2014

Gồm các biểu:

- 1. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)**
- 2. Kết quả Hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)**

Hà Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014 đ	01/01/2014 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30,008,446,629	58,862,985,542
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,008,446,629	2,368,163,686
1. Tiền	111	V.1	2,008,446,629	2,368,163,686
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		28,000,000,000	15,902,231,046
1. Phải thu khách hàng	131		0	17,429,682,023
2. Trả trước cho người bán	132		0	196,454,000
3. Phải thu khác	139		28,000,000,000	-1,723,904,977
IV. Hàng tồn kho	140		0	36,648,536,523
1. Hàng tồn kho	141	V.4	0	36,648,536,523
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0	3,944,054,287
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	3,200,783,568
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5	0	743,270,719
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		397,388,216,195	180,106,028,590
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		0	139,293,867,526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	0	133,201,844,837
<i>Nguyên giá</i>	222		0	169,388,218,570
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		0	-36,186,373,733
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	12,000,000
<i>Nguyên giá</i>	228		0	48,000,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	-36,000,000
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	0	6,080,022,689
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	397,388,216,195	39,580,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		282,415,785,844	39,580,000,000
2. Đầu tư vào cty con	251		114,972,430,351	
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	1,232,161,064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	1,232,161,064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		427,396,662,824	238,969,014,132


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2014 đ	01/01/2014 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		305,081,970,652	126,768,461,175
I. Nợ ngắn hạn	310		292,042,620,652	110,376,461,175
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	172,042,620,652	97,774,515,946
2. Phải trả người bán	312		0	10,730,038,805
3. Người mua trả tiền trước	313		0	403,012,159
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	0	106,000,000
5. Phải trả người lao động	315		0	732,031,200
6. Chi phí phải trả	316	V.17	0	0
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	317		120,000,000,000	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	630,863,065
II. Nợ dài hạn	330		13,039,350,000	16,392,000,000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	13,039,350,000	16,392,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122,314,692,172	112,200,552,957
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	122,314,692,172	112,200,552,957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		116,900,000,000	116,900,000,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5,414,692,172	-4,699,447,043
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		427,396,662,824	238,969,014,132

Người lập biểu


Lâm Thị Thu Trang

Kế toán trưởng


Lâm Thị Thu Trang

Hà Nam ngày 30 tháng 9 năm 2014


Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: tổ 14, phường Quang Trung, thị xã Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0351.3851 035 Fax: 0351.3855296

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý iii/ 2014 VND	Quý iii/2013 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	Vi.25	50,593,639,126	16,587,195,895	81,453,676,350	44,418,899,289
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	Vi.26				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	Vi.27	50,593,639,126	16,587,195,895	81,453,676,350	44,418,899,289
Giá vốn hàng bán	11	Vi.28	42,291,124,971	10,750,243,650	63,217,958,564	31,295,759,596
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,302,514,155	5,836,952,245	18,235,717,786	13,123,139,693
Doanh thu hoạt động tài chính	21	Vi.29	968,199	929,869	2,033,011	2,584,963
Chi phí hoạt động tài chính	22	Vi.30	1,339,953,478	2,235,882,169	4,996,920,379	5,890,749,257
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,339,953,478	2,235,882,169	4,996,920,379	5,890,749,257
Chi phí bán hàng	24		1,095,140,909	781,133,027	2,445,383,176	2,395,878,118
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,575,831,036	1,131,913,967	4,114,452,031	2,307,558,099
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,292,556,931	1,688,952,951	6,680,995,211	2,531,539,182
Thu nhập khác	31		4,866,253,463	1,160,651,749	6,194,788,334	1,193,412,294
Chi phí khác	32		165,787,153	1,587,668,227	1,976,915,149	1,964,462,296
Lợi nhuận khác	40		4,700,466,310	-427,016,478	4,217,873,185	-771,050,002
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,993,023,241	1,261,936,473	10,898,868,396	1,760,489,180
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	Vi.31	738,634,762	0	738,634,762	0
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,254,388,479	1,261,936,473	10,160,233,634	1,760,489,180

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)

Người lập biểu



Lâm Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lâm Thị Thu Trang



Tổng giám đốc



Nguyễn Hoài Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

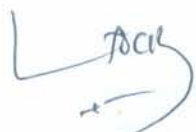
Quý III năm 2014

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ quý này	
			9 tháng 2014	Năm 2013
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	106,092,759,202	24,844,724,738
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	-55,867,375,400	(31,245,641,460)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	-5,929,173,620	(2,875,002,500)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	-4,939,538,010	(3,654,867,088)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	159,603,267,643	1,331,098,476
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-149,185,012,529	-1,851,744,937
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49,774,927,286	-13,451,432,771
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	-8,483,413,862	-1,139,382,900
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	1,314,500,000	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,064,812	1,655,094
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-7,167,849,050	-1,137,727,806
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101,457,095,820	51,625,055,977
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-144,423,891,113	-36,599,624,682
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-42,966,795,293	15,025,431,295
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-359,717,057	436,270,718
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,368,163,686	149,703,236
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2,008,446,629	585,973,954

Hà Nam, ngày 30 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Lâm Thị Thu Trang


Lâm Thị Thu Trang


Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Linh

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **Quý III năm 2014**

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần tập đoàn khoáng sản Hamico (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30 tháng 8 năm 2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phủ Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

* Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam.

* Công ty cổ phần bao bì Phú Mỹ : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH bao bì Phú Mỹ.

Tổng công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản HAMICO theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/11/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 9).

Địa chỉ trụ sở chính : Tổ 14, Phường Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam.

Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/03/2014 là **116.900.000.000** đồng (Một trăm mười sáu tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ : Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng và khoáng sản Hà Nam: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 18/11/2007 được chuyển từ Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam.

Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
Cổ đông Nhà nước	0	0	0%
Cổ đông khác	11.690.000	11.690.000.000	100%
Tổng cộng	11.690.000	11.690.000.000	100%

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014, lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm: Thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất và kinh doanh gạch tuynel.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; khai thác, chế biến và chế biến khoáng sản (quặng kim loại, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chế biến đá, khai thác khoáng hoá chất, phân bón, buôn bán kim loại và quặng kim loại).
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp, mua bán thực phẩm nông sản, đại lý mua bán kỹ gửi hàng hoá.
- Kinh doanh bất động sản, nhà đất;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường thuỷ.
- Xây dựng dân dụng, thủy lợi, giao thông đường bộ, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp điện có điện áp từ 35 Kv trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán máy điều hoà nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình.
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hoá bao gồm đủ các loại hoạt động thể thao vui chơi, giải trí, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng, bốc xếp hàng hoá, kinh doanh du lịch.
- Sản xuất và kinh doanh nhãn mác vỏ bao và bao bì đóng gói; và
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản, phân bón phục vụ nông nghiệp, sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ chế tạo kim loại, sản xuất máy móc thiết bị cho các ngành luyện kim và thông thường phục vụ dân sinh, sản xuất xi măng các loại, sản xuất các sản phẩm từ bê tông (bê tông đúc sẵn, cột bê tông, cọc bê tông).
- Mua bán gạch ngói, xi măng, đá, cát, sỏi, hàng trang trí nội thất, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, máy móc, thiết bị.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hoá

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán .

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tập đoàn được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại Công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, TP Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính cần phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong thời gian 24 tháng

Phương pháp phân bổ : Theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Tập đoàn sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Tập đoàn Khoáng sản HAMICO.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%

三
二
一
四
三
二
一

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính : đồng)

1 - Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.000.000.000	48.051.037
Tiền gửi ngân hàng	8.446.629	2.320.112.649
Cộng	2.008.446.629	2.368.163.686

2- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0	0
Đầu tư ngắn hạn khác	0	0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	0	0

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty VERNEGY	120.000.000.000	0
Công ty CP khoáng sản Tam Sơn	115.000.000.000	
Công ty CP SX & TM Bắc Việt	47.415.785.844	
Công ty TNHH đầu tư phát triển khoáng sản Hamico	114.972.430.351	
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	0	0
Phải thu khác	0	0
Cộng	397.388.216.195	0

4 - Hàng tồn kho

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	0	0
Nguyên liệu, vật liệu	0	27.701.088.461
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	121.589.600
Công cụ, dụng cụ	0	376.954.325
Thành phẩm	0	8.349.813.220

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Hàng hoá	0	99.090.917
Hàng gửi đi bán	0	0
Cộng	0	36.648.536.523

5-Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/09/2014	01/01/2014
Thuế thu-nhập doanh nghiệp nộp thừa	0	736.990.204
Các khoản phải thu nhà nước	0	0
Cộng	0	0

6- Phải thu dài hạn nội bộ

	30/09/2014	01/01/2014
Cho vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải thu dài hạn nội bộ khác	0	0
Cộng	0	0

7- Phải thu dài hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Ký quỹ, ký cược dài hạn	0	0
Các khoản tiền nhận uỷ thác	0	0
Cho vay không có lãi	0	0
Phải thu dài hạn khác	0	0
Cộng	0	0

8 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vật tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	119.920.789.370	28.188.929.695	19.704.550.978	1.573.948.527	169.388.218.570
Mua trong kỳ	7.500.000.000	37.000.000	0	0	7.500.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	0	0	0	0	0
Tặng do góp vốn	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	124.963.233.275	27.569.454.190	19.704.550.978	1.573.948.527	173.811.187.285
Giảm tài sản cố định	2.457.556.095	656.475.190	0	0	3.114.031.285
Số dư tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	16.667.738.153	9.934.878.004	8.917.389.605	666.367.971	36.186.373.733
Khấu hao TSCĐ trong kỳ	1.958.459.232	1.167.348.165	1.047.793.278	79.806.956	4.253.407.630
Tăng khác	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Giảm khác	18.626.197.385	11.102.226.169	9.965.182.883	746.174.927	40.439.781.363
Số hao mòn tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2014	103.253.051.217	18.254.051.691	12.746.092.637	1.042.556.492	134.465.703.212
Tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0

9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	------------------------	-------------------	-------------------------	--------------------	--------------	-----------

Nguyên giá TSCĐ thuê TC

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Thuê tài chính trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0	0

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	0	0	0	0	0	0
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số hao mòn tại 30/09/14	0	0	0	0	0	0

G.c.l của TSCĐ thuê TC

Tại ngày 01/01/2014	0	0	0	0	0	0
Tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0	0

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
-----------	------------------------	-------------------	-------------------------	--------------------	--------------	-----------

Nguyên giá TSCĐ vô hình

Số dư đầu năm	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
----------------------	----------	----------	----------	----------	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Mua trong kỳ	0	0	0	0	0	0
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
Số dư tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0	0
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số sử đầu kỳ	0	0	0	0	36.000.000	36.000.000
Khấu hao trong kỳ	0	0	0	0	12.000.000	12.000.000
Tăng khác	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số hao mòn tại 30/09/14	0	0	0	0	48.000.000	48.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
Tại ngày 01/01/2014	0	0	0	0	12.000.000	12.000.000
Tại ngày 30/09/2014	0	0	0	0	0	0

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
	0	0
Cộng	0	0

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư				
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
Giá trị hao mòn lũy kế	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
Gtrị còn lại của BĐS đầu tư	0	0	0	0
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0

13- Đầu tư tài chính dài hạn**Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/09/2014	01/01/2014
Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu	0	39.580.000.000
Công ty THNN Venergy:	120.000.000.000	0
Công ty CP khoáng sản Tam Sơn	115.000.000.000	0
Công ty CP SX & TM Bắc Việt	47.415.785.844	0
Công ty TNHH đầu tư phát triển khoáng sản Hamico	114.972.430.351	0
Cộng	0	39.580.000.000

14- Đầu tư dài hạn khác:

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn	0	0
Cộng	0	0

15- Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	0	681.855.298
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, thị xã Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm.	0	423.751.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Chi phí trả trước dài hạn khác	0	0
Bảo hiểm xe ô tô	0	42.600.000
CP sửa xe ô tô	0	83.954.250
Cộng	0	1.232.161.063

16- Vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	172.042.620.652	99.439.515.946
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	172.042.620.652	99.439.515.946

17- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	0	0
Thuế GTGT phải nộp	0	0
Thuế Tài nguyên	0	65.680.000
Phí Bảo vệ Môi trường	0	40.320.000
Cộng	0	106.000.000

18- Chi phí phải trả:

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trích trước chi phí lãi vay phải trả	0	0
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	0	0
Cộng	0	0

19- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty khoáng sản Luyện Kim Màu	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

Thù lao HĐQT và ban kiểm soát	0	0
Các khoản phải trả khác	0	0
Cộng	0	0

20- Phải trả dài hạn nội bộ:

	30/09/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn nội bộ	0	0
Phải trả dài hạn nội bộ	0	0
Cộng	0	0

21- Vay và nợ dài hạn

	30/09/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn	13.039.350.000	16.392.000.000
Cộng	13.039.350.000	16.392.000.000

22- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

	30/09/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
TSTTN hoãn lại liên quan khoản C.lịch tạm thời đc KT	0	0
TSTTN hoãn lại liên quan khoản lỗ tính thuế chưa sd	0	0
TSTTN HL liên quan khoản ưu đãi tính thuế chưa sd	0	0
Khoản hoàn nhập TSTTN hoãn lại đã đc ghi nhận	0	0
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
TTN HL phải trả PS từ khoản c.lịch tạm thời chịu thuế	0	0
Khoản hoàn TTN HL phải trả đc ghi nhận từ năm trước	0	0
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	0

23- Nguồn vốn chủ sở hữu:**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính
kết thúc ngày 30/09/2014

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	116.900.000.000	(4.699.447.043)	112.120.647.786
Lãi trong kỳ	0	10.160.233.634	8.993.023.241
Giảm lãi trong kỳ	0	46.094.419	0
Số dư cuối 30/09/2014	116.900.000.000	5.414.692.172	114.228.890.133

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	116.900.000.000	116.900.000.000
Vốn góp của nhà nước	0	0
Cộng	116.900.000.000	116.900.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Quý 3/2014	Quý 3/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	116.900.000.000	116.900.000.000

đ- Cổ phiếu

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.690.000	11.690.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	11.690.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam

Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 30/09/2014

	30/09/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	630.863.065
Quỹ đầu tư phát triển	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	0	0
Cộng	0	630.863.065

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi của doanh nghiệp:

Quỹ phúc lợi được sử dụng để đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung xây dựng các công trình phúc lợi công cộng của Công ty; chia cho hoạt động thể thao văn hoá, tham quan, phúc lợi công cộng của tập thể nhân viên trong Công ty. Đóng góp cho quỹ phúc lợi xã hội; trợ cấp thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên theo thoả ước lao động tập thể...

Quỹ khen thưởng được sử dụng thưởng cho cán bộ công nhân viên trong Công ty và các cá nhân và đơn vị bên ngoài có đóng góp có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

24-Nguồn kinh phí:

	30/09/2014	01/01/2014
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	0	0
Chi sự nghiệp	0	0
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	0	0

25- Tài sản thuê ngoài:

	30/09/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
1. Giá trị Tài sản thuê ngoài	0	0
- Tài sản khác thuê ngoài	0	0
- Tài sản cố định thuê ngoài	0	0
2. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của HĐ thuê	0	0
hoạt động TS không huỷ ngang theo các thời hạn	0	0
- Từ 1 năm trở xuống	0	0
- Từ 1 năm đến 5 năm	0	0
- Trên 5 năm	0	0

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.593.639.126	16.587.195.895
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	50.593.639.126	16.587.195.895
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.593.639.126	16.587.195.895
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	50.593.639.126	16.587.195.895

28- Giá vốn hàng bán

	Quý III - 2014 VND	Quý III - 2013 VND
Giá vốn của hàng bán	42.291.124.971	10.750.243.650
Cộng	42.291.124.971	10.750.243.650

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III – 2014 VND	Quý III- 2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	968.199	829.869
Cộng	968.199	829.869

30- Chi phí hoạt động tài chính

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
Lãi tiền vay ngắn hạn	1.339.953.478	2.235.882.169
Cộng	1.339.953.478	2.235.882.169

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam
Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/09/2014

Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý III/2014(VND)	Quý III/2013VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại PS từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	0	0
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0

VII. Thông tin về các bên liên quan:**1. Công ty liên kết****1.1 Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu**

- Địa chỉ: Tổ 4 – Phường Quang Trung – TP phủ Lý – Hà Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700382548 ngày 03/8/2009
- Vốn điều lệ: 156.880.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn)
- Vốn góp: 25.23%
- Tại thời điểm 30/9/2014 đã rút tiền đầu tư góp vốn với Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu. Số tiền đầu tư: 0 đồng.

Tại 30/09/2014 không có giao dịch phát sinh với Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu.

Quan hệ thanh toán với Công ty CP khoáng sản Luyện Kim Màu:

Nội dung	Số dư tại 01/01/2014	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 30/09/2014
Phải thu khách hàng	30.000.000	30.000.000	60.000.000	0
Đầu tư góp vốn	39.580.000.000	0	39.580.000.000	0

1.2 Công ty CP sản xuất và Thương mại Bắc Việt

- Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Hà Nam

- Vốn điều lệ: 116.000.000.000 đồng (*Một trăm mười sáu tỷ đồng chẵn*)

- Vốn góp: 40.87%

1.3 Công ty CP Khoáng sản Tam Sơn (hợp tác kinh doanh)

- Địa chỉ: 78 Nguyễn Tuấn, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ: 368.000.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng chẵn*)

- Cón góp: 31.25%

1.4 Công ty TNHH Venergy (hợp tác kinh doanh)

- Địa chỉ: Số 53, đường 158, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104906134 ngày 15/9/2010

- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*)**2. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban Tổng giám đốc**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong 9 tháng
Hội đồng quản trị, ban tổng Giám đốc và ban kiểm soát	Lương	486.000.000

3. Báo cáo bộ phận:

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

Địa chỉ: Tổ 14 – Phường Quang Trung – TP Phủ Lý – Tỉnh Hà Nam


Tel:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 30/09/2014

Hà Nam, ngày 30 tháng 09 năm 2014

Người lập biểu


Lâm Thị Thu Trang

Kế toán trưởng


Lâm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoài Linh